CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN
Địa chỉ : Xã Hóa An - Biên Hòa - ĐN

Mẫu số B 02a-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

QUÝ I NĂM 2010

Đơn vị tính: đồng VN

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Quý I năm 2010		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	45.375.073.319	30.325.927.465	45.375.073.319	30.325.927.465
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp d.vụ	10		45.375.073.319	30.325.927.465	45.375.073.319	30.325.927.465
(10 = 01 - 02)						
4. Giá vốn hàng hóa	11	VI.27	24.166.220.152	18.786.559.638	24.166.220.152	18.786.559.638
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.208.853.167	11.539.367.827	21.208.853.167	11.539.367.827
(20 = 10 - 11)						
6.Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	793.278.578	1.272.535.211	793.278.578	1.272.535.211
7. Chi phí tài chính	22	VI.28		398.245.244		398.245.244
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23					
8. Chi phí bán hàng	24		1.989.164.363	1.164.470.660	1.989.164.363	1.164.470.660
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.899.084.611	2.192.715.018	2.899.084.611	2.192.715.018
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.113.882.771	9.056.472.116	17.113.882.771	9.056.472.116
(30 = 20 + (21 - 22) - (24+ 25)						
11. Thu nhập khác	31					
12. Chi phí khác	32					
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40					
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.113.882.771	9.056.472.116	17.113.882.771	9.056.472.116
(50 = 30 + 40)						
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	4.236.509.367	1.474.765.620	4.236.509.367	1.474.765.620
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.877.373.404	7.581.706.496	12.877.373.404	7.581.706.496
(60 = 50 - 51-52)						
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.282	751	1.282	751

Ngày 20 tháng 4 năm 2010

NGƯỜI LẬP BIỂU | KẾ TOÁN TRƯỞNG | GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Ngụ Dung Hồng